



HOME - SCHOOL Connection

Level B



Thư kết nối Nhà trường - Phụ huynh

June 2026 / Tháng 6.2026

Lời ngỏ:

Kính gửi Ba Mẹ,

Trong tháng 6, các con sẽ làm quen với những chủ đề gần gũi của mùa hè như hoạt động mùa hè, trái cây mùa hè, trang phục cho ngày nắng nóng và khám phá thêm một số nghề nghiệp quen thuộc.

Ba Mẹ có thể cùng trò chuyện và ôn tập các chủ đề này với con tại nhà để giúp con tự tin hơn khi sử dụng tiếng Anh.

Topics:

- **WEEK 1:** Hello Summer
- **WEEK 2:** Summer Fruits
- **WEEK 3:** A Sunny Summer
- **Week 4:** Heroes Around Us



New Language:

WEEK 1: Hello summer

- **Vocabulary:** swim, run
- **Review:** 4 seasons
- **Structure:**
 1. What season is this?
→ It's summer.
 2. How's the weather in the summer?
→ It's hot.
 3. What can you do in the summer?
→ I can swim / run.

New Language:

WEEK 2: Summer fruits

- **Vocabulary:** watermelon, mango
- **Review:** 4 seasons
- **Structure:**
 1. What season is this?
→ It's summer.
 2. How's the weather in the summer?
→ It's hot.
 3. What summer fruit do you like? → I like mangoes / watermelons.



HOME - SCHOOL Connection

Level B



Thư kết nối Nhà trường - Phụ huynh

June 2026 / Tháng 6.2026

New Language:

WEEK 3: A sunny summer

- **Vocabulary:** hat, cap
- **Review:** 4 seasons
- **Structure:**
 1. What season is this?
→ It's summer.
 2. How's the weather in the summer?
→ It's hot.
 3. What are you wearing?
→ I am wearing a hat / a cap.

New Language:

WEEK 4: Heroes around us

- **Vocabulary:** teacher, doctor
- **Structure:**
 1. Who do you see?
→ I see a teacher / a doctor.



SUMMER BAG GAME:

LUYỆN TẬP CÙNG CON NHÉ

- Ba Mẹ chuẩn bị các thẻ hình hoặc đồ vật nhỏ liên quan đến chủ đề tháng 6 như: **swim, run, watermelon, mango, hat, cap, teacher, doctor.**
- Cho bé bốc thẻ hoặc chọn hình bất kỳ. Sau đó Ba Mẹ có thể hỏi bé những câu đơn giản như:
 1. **What can you do in the summer?**
→ I can swim / run.
 2. **What summer fruit do you like?**
→ I like mangoes / watermelons.
 3. **What are you wearing?**
→ I'm wearing a hat / a cap.
 4. **Who do you see?**
→ I see a teacher / a doctor.

=> Hoạt động này giúp bé ôn từ vựng, luyện nói câu ngắn và tự tin hơn khi sử dụng tiếng Anh.

